

Bản án số 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2025
(V/v tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung.

Ông Nguyễn Văn Chấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn N - Sinh năm 1960 (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Dương Thị V- Sinh năm 1964 (Đề nghị xét xử vắng mặt).
Cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai là ông Dương Văn N trình bày: Ông N và bà Dương Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1984 tại UBND xã T nhưng nay không lưu giữ được đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến 2022 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, nên ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay ông N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Dương Văn N1, sinh năm 1985, Dương Văn L, sinh năm 1988, Dương Văn T, sinh năm 1990: Đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là bà Dương Thị V tại bản tự khai trình bày: Ông N và V đăng ký kết hôn 1984 tại UBND xã T nhưng nay không lưu giữ được đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến 2022 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, nên ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà V đồng ý .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Văn N1, sinh năm 1985, Dương Văn L, sinh năm 1988, Dương Văn T, sinh năm 1990 : Đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng : Ông N và bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa ông N, bà V là tự nguyện, đã chung sống và có con chung, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Ông N, bà V trình bày có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được Giấy đăng ký kết hôn, đồng thời UBND xã T, huyện L cũng xác nhận không lưu giữ giấy đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông N có căn cứ xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 14, điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình .

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông N và bà V trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến 2022 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, nên ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, ông N yêu ly hôn thì bà V đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông N và bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Do ông N và bà V chung sống trước ngày 03/01/1987(Luật Hôn nhân và gia đình 1986 có hiệu lực) nên cần áp dụng quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn tại Điều 87 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000: Trường hợp hôn đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3]. Về con chung: Không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Án phí: Ông N là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá sự tuân theo quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, đánh giá nội dung vụ án và quy định pháp luật áp dụng; đề nghị: Không công nhận ông Dương Văn N và bà Dương Thị V là vợ chồng .

Con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết

Án phí: Ông N là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ các Điều 11, 85,87, 89, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000; các Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xử :

Không công nhận ông Dương Văn N và bà Dương Thị V là vợ chồng .

Con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

5.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án : Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm đối với ông Dương Văn N. Hoàn trả ông Dương Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0008467 ngày 11/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ông N và bà V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T, BG
- VKSNDH. Lục Nam
- THADSH. Lục Nam
- UBND xã Thanh Lâm.
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên